

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH NƯỚC - QUỐC HỘI

Luật số 53/2024/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2024

Luật Phòng, Chống mua bán người

(Tiếp theo Công báo số 1529 + 1530)

Chương IV

TIẾP NHẬN, XÁC MINH, XÁC ĐỊNH VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN

Mục 1

TIẾP NHẬN, XÁC MINH, XÁC ĐỊNH NẠN NHÂN

Điều 27. Tiếp nhận, xác minh người đến trình báo

1. Người nào có căn cứ cho rằng mình là nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp có căn cứ cho rằng người được họ đại diện là nạn nhân thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất trình báo về việc bị mua bán. Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, cơ quan, tổ chức tiếp nhận trình báo có trách nhiệm đưa ngay người đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thực hiện việc hỗ trợ theo quy định tại Chương V của Luật này.

2. Khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện ngay việc tiếp nhận, hỗ trợ và chậm nhất là 03 ngày phải chủ trì phối hợp với Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện) xác minh thông tin ban đầu.

Sau khi xác minh thông tin ban đầu, nếu chưa có giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện đề nghị Công an cấp huyện tiến hành xác minh nạn nhân.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, Công an cấp huyện có trách nhiệm xác minh nạn nhân và trả lời bằng văn bản cho cơ quan đã đề nghị.

Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn xác minh nạn nhân không quá 02 tháng; trường hợp chưa thể xác định được nạn nhân trong thời hạn 02 tháng thì thời hạn xác minh có thể kéo dài thêm, nhưng tổng thời hạn xác minh không quá 04 tháng.

4. Ngay sau khi có kết quả xác minh hoặc hết thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Công an cấp huyện phải cấp một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật này.

5. Sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện việc hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định tại Chương V của Luật này. Trường hợp họ có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí đi lại; nếu cần được chăm sóc về sức khỏe, tâm lý hoặc chưa xác định được nơi cư trú mà có nguyện vọng được lưu trú thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú, trường hợp không có nơi nương tựa hoặc có căn cứ cho rằng họ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Tiếp nhận, xác minh nạn nhân được giải cứu

1. Cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân đã giải cứu nạn nhân tiến hành sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch và đưa ngay người đó đến cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện gần nơi họ được giải cứu.

Cơ quan giải cứu có trách nhiệm xác minh, cấp giấy xác nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật này cho người được giải cứu; trường hợp chưa có đủ căn cứ xác định nạn nhân thì sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện đề nghị Công an cấp huyện tiến hành xác minh nạn nhân; thời hạn xác minh và cấp giấy xác nhận được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 của Luật này.

2. Sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện việc hỗ trợ đối với người được giải cứu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 và Chương V của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người là nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước trao đổi, do người tự trình báo là nạn nhân hoặc do người biết việc đến trình báo thì thực hiện các công việc sau đây:

a) Trường hợp người đó chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và giải cứu;

b) Trường hợp người tự trình báo là nạn nhân hoặc đã được giải cứu thì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan, thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Chương V của Luật này và cấp một trong các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này.

2. Ngay sau khi nhận được đề nghị xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước có trách nhiệm tổ chức xác minh, trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phối hợp cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa về nước.

3. Trường hợp chưa đủ căn cứ cấp một trong các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân theo quy định của pháp luật và đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở trong nước xác minh, cấp một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật này; thời hạn xác minh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật này.

4. Trường hợp thỏa thuận quốc tế có quy định về việc trao đổi thông tin trực tiếp, hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở về

1. Việc tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân từ nước ngoài trở về qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu về nạn nhân và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an trong việc xác minh nhân thân của nạn nhân, cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa về nước;

b) Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện việc tiếp nhận; tiến hành xác minh và cấp một trong các giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân theo đề nghị của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này; thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ y tế trong trường hợp cần thiết và đưa ngay người đó đến cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện nơi tiếp nhận để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định tại Chương V của Luật này.

Trường hợp họ có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí đi lại; nếu cần được chăm sóc về sức khỏe, tâm lý hoặc chưa xác định được nơi cư trú mà có nguyện vọng được lưu trú thì chuyển giao họ cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Đối với nạn nhân là trẻ em thì cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú, trường hợp không có nơi nương tựa hoặc có căn cứ cho rằng họ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì làm thủ tục chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Việc tiếp nhận người trở về Việt Nam theo thỏa thuận quốc tế song phương có liên quan về phòng, chống mua bán người được thực hiện theo thỏa thuận đó.

Cơ quan đã tiếp nhận có trách nhiệm xác minh theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 27 và cấp một trong các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này; thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ y tế, hỗ trợ phiên dịch trong trường hợp cần thiết và đưa ngay người đó đến cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện nơi tiếp nhận để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định tại Chương V của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Tiếp nhận, xác minh, giải cứu và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam

1. Khi nhận được thông tin, tài liệu về người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong

nước trao đổi hoặc do người biết việc đến trình báo, cơ quan, tổ chức đã tiếp nhận thông tin, tài liệu có trách nhiệm báo ngay cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) nơi người nước ngoài đang có mặt để xác minh, giải cứu.

Trường hợp thông qua hoạt động nghiệp vụ mà phát hiện người nước ngoài có dấu hiệu bị mua bán tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đến trình báo họ là nạn nhân bị mua bán thì cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân tiến hành giải cứu, xác minh.

Khi có đủ căn cứ xác định người được giải cứu, người tự trình báo là nạn nhân thì cơ quan đã giải cứu, tiếp nhận trình báo cấp giấy xác nhận quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này trước khi chuyển giao.

2. Sau khi tiếp nhận hoặc giải cứu người nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này tiến hành sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe; thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch và đưa người đó đến cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện nơi cơ quan tiếp nhận có trụ sở hoặc nơi họ được giải cứu.

3. Sau khi tiếp nhận người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện tiến hành hỗ trợ theo quy định tại Chương V của Luật này và thông báo cho cơ quan chuyên môn về ngoại vụ cấp tỉnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh thực hiện các công việc để trao trả về nước mà họ là công dân hoặc nước họ thường trú.

4. Khi nhận được công hàm của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam mà nạn nhân là công dân hoặc là người đang thường trú tại nước đó trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về các vấn đề để đưa nạn nhân về nước, sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của nạn nhân cho cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an.

5. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện cấp thị thực, chứng nhận tạm trú cho nạn nhân, thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh nơi đang lưu giữ nạn nhân, Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam mà nạn nhân là công dân hoặc thường trú, các tổ chức quốc tế có liên quan để phối hợp đưa nạn nhân về nước.

6. Cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NẠN NHÂN; GIẤY TỜ, TÀI LIỆU XÁC NHẬN NẠN NHÂN

Điều 32. Căn cứ để xác định nạn nhân

1. Việc xác định nạn nhân căn cứ vào tài liệu, chứng cứ sau đây:

- a) Tài liệu, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp;
- b) Thông tin, tài liệu do cơ quan giải cứu nạn nhân cung cấp;
- c) Thông tin, tài liệu do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp;
- d) Thông tin, tài liệu do cơ quan, tổ chức khác trong nước cung cấp;
- đ) Tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cung cấp;
- e) Lời khai, tài liệu do người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ cung cấp;
- g) Lời khai, tài liệu do người thực hiện hành vi mua bán người cung cấp;
- h) Lời khai, tài liệu do nạn nhân khác hoặc những người biết sự việc cung cấp;
- i) Tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa chứng minh được một người có phải là nạn nhân hay không, sau khi xác minh lý lịch, thời gian vắng mặt tại nơi cư trú, lý do vắng mặt phù hợp với lời khai của họ về việc bị mua bán thì xem xét các dấu hiệu sau đây để xác định họ là nạn nhân:

- a) Người đó được phát hiện, giải cứu cùng với nạn nhân khác;
- b) Người đó đã có thời gian chung sống cùng với nạn nhân tại nơi các đối tượng thực hiện hành vi mua bán người giam giữ, quản lý và bị đối xử như nạn nhân này;
- c) Người đó có dấu hiệu bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, bị đối xử tàn tệ, bị thương tích, sợ hãi, hoảng loạn, trầm cảm, ốm yếu theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền hoặc bị xâm hại bởi hành vi nhằm mục đích vô nhân đạo khác quy định tại khoản 5 Điều 2 của Luật này;

d) Người thân thích trình báo về việc mất tích của họ trong thời gian họ vắng mặt tại nơi cư trú;

đ) Căn cứ hợp pháp khác có cơ sở để tin rằng người đó là nạn nhân.

Điều 33. Giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân và thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân

1. Giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân là một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh người đó là nạn nhân do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Công an cấp huyện quy định tại khoản 4 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Luật này;

b) Cơ quan giải cứu, tiếp nhận quy định tại các điều từ Điều 28 đến Điều 31 của Luật này;

c) Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân;

d) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

3. Trường hợp đã cấp giấy xác nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này chứng minh được việc cấp giấy xác nhận chưa đúng thì có trách nhiệm hủy và cấp lại giấy xác nhận.

Mục 3

BẢO VỆ NẠN NHÂN, NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN VÀ NGƯỜI THÂN THÍCH CỦA HỌ

Điều 34. Điều kiện và đối tượng được bảo vệ

Những người sau đây nếu bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác do có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người thì tùy từng trường hợp được áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại Điều 35 của Luật này:

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng;

2. Người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

3. Cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân.

Điều 35. Biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng

1. Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật này là người tố cáo thì áp dụng các biện pháp bảo vệ họ theo quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật này là người tham gia tố tụng hình sự thì áp dụng các biện pháp bảo vệ họ theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật này nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì áp dụng các biện pháp bảo vệ sau đây:

a) Bố trí nơi tạm lánh khi họ có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe;

b) Các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại, đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Người được bảo vệ từ chối hoặc không chấp hành đầy đủ biện pháp bảo vệ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng thì tự chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân, người thân thích của mình.

Trường hợp người được bảo vệ từ chối biện pháp bảo vệ do bị đe dọa hoặc bị ép buộc thì cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền vẫn áp dụng biện pháp bảo vệ.

5. Cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền khác áp dụng biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 36. Bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tòa án xem xét, quyết định việc xét xử kín đối với vụ án mua bán người theo yêu cầu của nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Chương V
HỖ TRỢ NẠN NHÂN, NGƯỜI ĐANG TRONG
QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN

Điều 37. Đối tượng và chế độ hỗ trợ

1. Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- a) Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- b) Hỗ trợ y tế;
- c) Hỗ trợ phiên dịch;
- d) Hỗ trợ pháp luật;
- đ) Trợ giúp pháp lý;
- e) Hỗ trợ chi phí đi lại;
- g) Hỗ trợ tâm lý;
- h) Hỗ trợ học văn hóa;
- i) Hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm;
- k) Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

2. Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm h khoản 1 Điều này.

3. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng đang ở nước ngoài được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều này.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 1 Điều này.

4. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì tùy từng trường hợp được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 38. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu

Trong trường hợp cần thiết, nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về

ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo, độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân của họ.

Điều 39. Hỗ trợ y tế

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được khám sức khỏe khi tiếp nhận, được sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe; trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân nếu cần được chăm sóc để phục hồi sức khỏe thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

2. Nạn nhân chưa có bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trong năm đầu tiên kể từ khi họ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân.

Điều 40. Hỗ trợ phiên dịch

1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng không biết, không hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian làm thủ tục xác minh là nạn nhân.

2. Nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng không biết, không hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Điều 41. Hỗ trợ pháp luật, trợ giúp pháp lý

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được hỗ trợ pháp luật bằng hình thức tư vấn để phòng ngừa bị mua bán trở lại, tư vấn làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ.

2. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được trợ giúp pháp lý bằng các hình thức theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người.

Điều 42. Hỗ trợ chi phí đi lại

Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí tiền tàu, xe đi lại trong nước và tiền ăn trong thời gian đi đường.

Điều 43. Hỗ trợ tâm lý

Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian không quá 03 tháng.

Điều 44. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm

1. Nạn nhân là người dưới 18 tuổi, người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân nếu tiếp tục đi học thì được hỗ trợ tiền học phí, tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập trong năm học đầu tiên và năm liền kề kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân.

2. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được xem xét hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm ổn định cuộc sống.

Điều 45. Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn

1. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu.

2. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh được xem xét để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay với các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã thực hiện việc tiếp nhận hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ y tế, hỗ trợ pháp luật theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đã thực hiện việc giải cứu, tiếp nhận hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ y tế.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã đã thực hiện việc tiếp nhận hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ y tế, hỗ trợ pháp luật.

4. Cơ quan chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

5. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

6. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 47. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện các nhiệm vụ sau đây trong việc hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng:

- a) Tiếp nhận và bố trí nơi lưu trú; lập hồ sơ quản lý trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội;
 - b) Thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật này;
 - c) Giáo dục kỹ năng sống;
 - d) Đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng của nạn nhân, cung cấp thông tin về chính sách, chế độ, hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng;
 - đ) Cung cấp thông tin cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền để đấu tranh phòng, chống mua bán người;
 - e) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh nạn nhân;
 - g) Phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý để thực hiện trợ giúp pháp lý.
2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập tham gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với giấy phép thành lập; việc thành lập và hoạt động không sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Cơ sở trợ giúp xã hội khác do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập, không sử dụng ngân sách nhà nước có thể được tham gia hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định tại khoản 1 Điều này và hoạt động theo giấy phép hoạt động.
4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Điều 48. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người

1. Ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người.
2. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người.
3. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo về phòng, chống mua bán người.
4. Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác phòng, chống mua bán người.
5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người.
6. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phòng, chống mua bán người.
7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người.

Điều 49. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.
2. Bộ Công an chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Trong việc thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:
 - a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người;
 - b) Đề xuất với Chính phủ trong việc ký kết, gia nhập điều ước quốc tế hoặc triển khai hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến phòng, chống mua bán người;
 - c) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người theo quy định của pháp luật;
 - d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người;
 - đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình và khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích trong phòng, chống mua bán người;
 - e) Thanh tra, kiểm tra về công tác phòng, chống mua bán người;
 - g) Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền;
 - h) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống mua bán người; giúp Chính phủ xây dựng báo cáo trình Quốc hội về công tác phòng, chống mua bán người lồng ghép vào báo cáo hằng năm của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

2. Trong công tác đấu tranh phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức, bố trí lực lượng trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mua bán người;

b) Thực hiện quản lý an ninh, trật tự để phòng ngừa mua bán người;

c) Chỉ đạo công an các cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về phòng, chống mua bán người theo quy định của Luật này;

d) Xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm mua bán người, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống mua bán người gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về căn cước và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân ở khu vực biên giới, trên biển, hải đảo, cửa khẩu thuộc thẩm quyền tham gia các hoạt động phòng, chống mua bán người theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mua bán người tại khu vực biên giới, trên biển, hải đảo, cửa khẩu thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật này.

3. Thực hiện quản lý an ninh, trật tự tại khu vực biên giới, trên biển, hải đảo, cửa khẩu thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để phòng ngừa mua bán người.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chính sách hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

2. Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm, cho thuê lại lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người; hướng dẫn sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động.

3. Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, thanh tra công tác hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

4. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện công tác tiếp nhận thông tin, tin báo, tố giác về mua bán người tới tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người.

5. Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ học văn hóa.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chính sách hỗ trợ y tế và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 39 của Luật này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở y tế thực hiện việc phối hợp với cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong việc hỗ trợ y tế cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

3. Hướng dẫn về điều trị y tế, hỗ trợ tâm lý.

4. Chủ trì phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát hiện, báo cáo, cung cấp thông tin trường hợp có dấu hiệu mua bán người, mua bán bộ phận cơ thể người, thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị có thẩm quyền, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai công tác phòng, chống mua bán người và thực hiện công tác bảo hộ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài là công dân Việt Nam; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài thực hiện giải cứu, tiếp nhận, xác định nạn nhân, đưa nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam về nước.

2. Chỉ đạo việc phối hợp với cơ quan đại diện của nước có liên quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để đưa nạn nhân là người nước ngoài về nước.

3. Chỉ đạo nghiên cứu các giải pháp phòng, chống mua bán người trong xây dựng chính sách về các vấn đề di cư quốc tế theo thẩm quyền.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống mua bán người.

2. Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, thanh tra hoạt động đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, đăng ký việc nuôi con nuôi nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

3. Quản lý, hướng dẫn trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 56. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Triển khai thực hiện việc thông tin, tuyên truyền về phòng, chống mua bán người;

b) Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mua bán người;

d) Bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống mua bán người;

đ) Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người;

e) Tổ chức thực hiện công tác quản lý an ninh, trật tự để phòng, chống mua bán người;

g) Cấp giấy phép thành lập cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở trợ giúp xã hội khác để thực hiện việc hỗ trợ.

2. Cùng với việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn về phòng, chống mua bán người ở cơ sở;

- b) Tiếp nhận và thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật này;
- c) Tạo điều kiện cho nạn nhân hòa nhập cộng đồng.
3. Chính phủ quy định chi tiết điểm g khoản 1 Điều này.

Chương VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Điều 57. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người

Nhà nước Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Điều 58. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người

1. Trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo cho hoạt động phòng, chống mua bán người.

2. Việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài để giải quyết vụ việc về mua bán người được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Điều 59. Hợp tác quốc tế trong việc giải cứu và đưa nạn nhân về nước

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc giải cứu, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

2. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa nạn nhân là người nước ngoài về nước mà người đó có quốc tịch hoặc có nơi thường trú cuối cùng; áp dụng các biện pháp để việc đưa nạn nhân về nước được tiến hành trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên,

theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với các nước, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

Điều 60. Tương trợ tư pháp trong phòng, chống mua bán người

Việc tương trợ tư pháp trong phòng, chống mua bán người giữa Việt Nam và nước có liên quan được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước đó cùng là thành viên hoặc trên nguyên tắc có đi có lại, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14

1. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.”.

2. Bãi bỏ điểm g khoản 7.

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Luật Phòng, chống mua bán người số 66/2011/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 63 của Luật này.

Điều 63. Quy định chuyển tiếp

Người được xác định là nạn nhân trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và người dưới 18 tuổi đi cùng thì được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người số 66/2011/QH12./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn